

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- TCKTTV, Cục ĐDBĐ&TTĐLVN,  
Cục CDS&TTDLTNMT, TTQH&ĐTTNNQG,  
Viện KHTNN;
- Lưu: VT, TNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04/8/2021  
của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê  
tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1383/QĐ-TTg), trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung sau đây:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả, thống nhất, đồng bộ các nội dung, nhiệm vụ của Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1383/QĐ-TTg.

### **II. NỘI DUNG, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

Kế hoạch thực hiện các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1383/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

1. Xây dựng, phê duyệt nội dung, dự toán và kế hoạch chi tiết để thực hiện kiểm kê tài nguyên nước.

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán kinh phí phần nội dung, nhiệm vụ của Đề án do Bộ thực hiện, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1383/QĐ-TTg (đã hoàn thành trong năm 2022). Tổ chức thực hiện hoàn thành Đề án và công bố trong năm 2025.

b) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là UBND cấp tỉnh) tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 1383/QĐ-TTg, trong đó các nội dung chủ yếu gồm: xây dựng kế hoạch kiểm kê của địa phương và phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán kinh phí phần nội dung, nhiệm vụ kiểm kê các chỉ tiêu về số lượng nguồn nước mặt, chất lượng nước mặt, khai thác sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước mặt nội tỉnh (thuộc các lưu vực sông nội tỉnh độc lập và lưu vực sông liên tỉnh), lượng nước mặt đối với lưu vực sông nội tỉnh độc lập; trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí ngân sách địa phương tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm kê tài nguyên nước để hoàn thành trước 31 tháng 12 năm 2024.

Đối với địa phương chưa ban hành bộ đơn giá về lĩnh vực tài nguyên nước, có thể tham khảo các quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá lĩnh vực tài nguyên nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hoặc

lĩnh vực khác có liên quan để xây dựng nội dung và lập dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê, điều tra cơ bản từ các giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê.

Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê, kết quả điều tra cơ bản theo nội dung, nhiệm vụ kiểm kê đã được phê duyệt.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng phần mềm quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu kiểm kê tài nguyên nước bảo đảm kết nối với cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là phần mềm kiểm kê); tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao sử dụng phần mềm.

4. Thực hiện kiểm kê các chỉ tiêu tại thực địa.

Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm kê các chỉ tiêu tại thực địa theo nội dung, nhiệm vụ đã được phê duyệt (gồm: tập huấn hướng dẫn quy trình, phương pháp kiểm kê; ghi nhận thông tin, số liệu theo các biểu mẫu kiểm kê; khảo sát, xác định các điểm cần quan trắc đo đạc bổ sung dòng chảy; xác lập chế độ quan trắc, đo đạc cần thiết để tính toán được chỉ tiêu về lượng nước mặt; quan trắc, đo đạc bổ sung tại các vị trí trong kỳ kiểm kê; chỉnh lý số liệu quan trắc đo đạc bổ sung; lập các báo cáo kiểm kê tại thực địa theo từng chỉ tiêu kiểm kê).

5. Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa và cập nhật số liệu vào phần mềm kiểm kê.

Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa và cập nhật số liệu vào phần mềm kiểm kê theo các nội dung thực hiện.

6. Kiểm tra, đối chiếu đối với từng chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước.

Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với địa phương tổ chức thực hiện công việc kiểm tra tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về phương thức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước, đối chiếu thông tin kết quả chỉ tiêu kiểm kê về: số lượng nguồn nước mặt; công trình khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước.

7. Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước.

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện tính toán các chỉ tiêu kiểm kê về: tổng lượng dòng chảy; lượng nước mặt chảy vào, ra khỏi biên giới quốc gia (trung bình nhiều năm, mùa, tháng); tổng lượng nước chuyển giữa các lưu vực sông; tổng dung tích các hồ chứa; tổng lượng mưa; lượng nước dưới đất, chất lượng nước dưới đất trên các lưu vực sông liên tỉnh và trên phạm vi cả nước. Đồng thời, tính toán lượng dòng chảy vào, ra tỉnh trên các sông liên tỉnh.

b) Căn cứ nguồn lực và mức độ ưu tiên quản lý, UBND cấp tỉnh lựa chọn nguồn nước thực hiện tính toán các chỉ tiêu kiểm kê về: lượng nước mặt, chất lượng nước mặt đối với nguồn nước được quy định tại điểm b khoản 1 Mục II

Kế hoạch này.

8. Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025, gồm: báo cáo kết quả tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia; các báo cáo chuyên đề theo từng chỉ tiêu kiểm kê; cơ sở dữ liệu; bộ số liệu kiểm kê tài nguyên nước, cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê.

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025, gồm: (i) báo cáo kết quả tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, các báo cáo chuyên đề theo từng chỉ tiêu kiểm kê, bộ thông tin, số liệu kết quả kiểm kê tài nguyên nước, cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê theo nội dung thực hiện được quy định tại Quyết định số 2101/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; (ii) báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước lưu vực sông.

b) Trên cơ sở quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Kế hoạch này, UBND cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện kiểm kê tài nguyên nước, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả kiểm kê tài nguyên nước, giai đoạn đến năm 2025, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước, cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê theo nội dung thực hiện.

9. Tổng hợp, công bố kết quả kiểm kê.

Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện tổng hợp số liệu kiểm kê trên phạm vi cả nước, theo các địa phương và theo các lưu vực sông, gồm: Hồng - Thái Bình, Bằng Giang - Kỳ Cùng, Mã, Cả, Gianh, Hương, Vu Gia - Thu Bồn, Trà Khúc, Kôn - Hà Thanh, Ba, Cái Nha Trang, Sê San, SrêPók, Đồng Nai, Cửu Long, độc lập Quảng Ninh, lưu vực sông khác ven biển miền Trung và lưu vực sông khác ven biển Đông Nam Bộ. Hoàn thiện hồ sơ công bố kết quả tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các cơ quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường**

a) Cục Quản lý tài nguyên nước

- Chủ trì triển khai thực hiện Đề án; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện kiểm kê tài nguyên nước theo Quyết định số 1383/QĐ-TTg, Quyết định số 2101/QĐ-BTNMT và Kế hoạch này.

- Trình Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện kiểm kê tài nguyên nước.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng nội dung, dự toán kinh phí chi tiết và đề xuất bố trí kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện phần nội dung, nhiệm vụ do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện phù hợp với nội dung, nhiệm vụ của Đề án theo Quyết định số 1383/QĐ-TTg, nội dung Kế hoạch này và các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án của các cơ quan, đơn vị và các địa phương.

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ kế hoạch thực hiện Đề án đã được Bộ phê duyệt, định kỳ rà soát, đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện của các đơn vị, báo cáo Bộ phương án điều chỉnh kế hoạch, tiến độ (nếu cần) để đảm bảo tiến độ chung của Đề án.

#### b) Vụ Kế hoạch - Tài chính

Phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước và các đơn vị liên quan xây dựng chi tiết nội dung, dự toán kinh phí phần nội dung, nhiệm vụ kiểm kê do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện của Đề án; hàng năm đề xuất, trình Bộ bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp đảm bảo thực hiện Đề án một cách hiệu quả, đúng tiến độ đề ra theo quy định hiện hành.

#### c) Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường

Thẩm định phần mềm quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu kiểm kê theo quy định tại Thông tư 14/2020/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường.

d) Các đơn vị: Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia và Viện Khoa học tài nguyên nước.

- Tổ chức thực hiện các nội dung, khối lượng công việc được giao tại Quyết định số 2101/QĐ-BTNMT và Quyết định số 2642/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước Đề án “Tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025” phân do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện và Kế hoạch này.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm theo quy chế quản lý tài chính hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và định kỳ trước 31 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Cục Quản lý tài nguyên nước để tổng hợp.

### **2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc kiểm kê tài nguyên nước theo Quyết định số 1383/QĐ-TTg và Kế hoạch này, trong đó một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Căn cứ nguồn lực, mức độ ưu tiên quản lý nguồn nước trong kỳ kiểm kê, UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện kiểm kê các chỉ tiêu về số lượng nguồn nước mặt nội tỉnh; khai thác, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh; lựa chọn nguồn nước nội tỉnh để kiểm kê chỉ tiêu về lượng nước mặt, chất lượng nước mặt cho phù hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 2 Quyết định số 1383/QĐ-TTg.

b) Tổng hợp kết quả kiểm kê gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2024 để tổng hợp./.